

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 25 B

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 25B

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Kiều Thị Mai Trang	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Nguyễn Kim Hà	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Lương Thị Thu Thảo	Chủ tịch công đoàn	Thư ký hội đồng	
4	Nguyễn Thị Mỹ Bình	Phó hiệu trưởng	Ủy viên hội đồng	
5	Trịnh Thị Linh	Văn thư - Tổ trưởng Văn phòng	Ủy viên hội đồng	
6	Đoàn Thị Phương	Tổ trưởng chuyên môn khối nhóm Nhà trẻ	Ủy viên hội đồng	
7	Nguyễn Thị Khuyên	Tổ trưởng chuyên môn khối lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Lưu Thanh Hiền	Tổ trưởng chuyên môn khối lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	Ủy viên hội đồng	
9	Đào Thị Tuyết	Kế toán	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	27
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	29
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	31
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	33
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	38
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	39
Mở đầu	39
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	39
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	43

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	46
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	49
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	49
Mở đầu	49
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	50
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	53
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính-quản trị	55
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	57
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	59
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	64
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	64
Mở đầu	64
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	65
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân của nhà trường	67
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	70
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	70
Mở đầu	70
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	71
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	74
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	76
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	80
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	82
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	83
Phần IV. PHỤ LỤC	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	-
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	-
Tiêu chí 1.6		x	x	-
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	-
Tiêu chí 2.3		x	x	-
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	-
Tiêu chí 3.3		x	x	-
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x

Tiêu chí 4.2		x	x	-
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non 25B.

Tên trước đây (nếu có): Nhà trẻ Hoa Phượng 25, Trường Mầm non bán công 25B.

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh.

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng	Kiều Thị Mai Trang
Huyện/quận /thị xã/thành phố	Bình Thạnh	Điện thoại	028.3899.2612
Xã/phường/thị trấn	Phường 25	Fax	Không
Đạt Chuẩn quốc gia	2017	Website	http://mn25bbinhthanh.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1991	Số điểm trường	01 điểm chính
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	02	02	02	02	02
Cộng	09	09	09	09	09

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	09	09	09	09	09	
1	Phòng kiên cố	09	09	09	09	09	

2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	03	03	03	03	03	
1	Phòng kiên cố	03	03	03	03	03	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	07	07	07	07	07	
1	Phòng kiên cố	07	07	07	07	07	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	01	01	01	01	01	
	Các phòng khác (nếu có)	00	00	00	00	00	
	Cộng	20	20	20	20	20	

2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 8 năm 2023

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	Kinh	00	00	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	Kinh	00	00	02	
Giáo viên	18	18	Kinh	00	00	18	
Nhân viên	11	09	Kinh	04	07	00	
Cộng	32	30	Kinh	04	07	21	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số giáo viên	19	19	18	18	18
2	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	80/6 = 13,3	70/6 = 11,6	70/6 = 11,6	63/6 = 10,5	70/6 = 11,6
3	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	00	00	00	00	00
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	255/13 = 19,6	251/13 = 19,3	224/12 = 18,7	193/12 = 16	204/12 = 17
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	06	06	07	09	09
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	00	00	01	00	01

7	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00
---	---------------------------	----	----	----	----	----

4. Trẻ em

a) Số liệu chung:

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	335	321	294	256	274	
	- Nữ	147	139	123	102	133	
	- Dân tộc thiểu số	00	00	00	00	00	
2	Đối tượng chính sách	00	00	00	00	00	
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
4	Tuyển mới	90	90	50	50	70	
5	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
6	Bán trú	335	321	294	256	274	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	255/6 = 42,5	251/6 = 41,3	224/6 = 37	193/6 = 32,2	204 /6 =34	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	80/3 = 26,6	70/3 = 23,3	70/3 =23,3	63/3 = 21	70/3 =23,3	
9	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	20	20	20	17	20	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	60	50	50	46	50	

	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	84	81	60	53	65	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	85	86	80	60	66	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	86	84	84	80	73	
10	Các số liệu khác (nếu có)	00	00	00	00	00	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non 25B, trước đây là Nhà trẻ Hoa Phượng 25B, đến tháng 9 năm 1997 sáp nhập nhà trẻ với mẫu giáo đổi tên thành Trường Mầm non bán công 25B. Đến năm 2006 theo Quyết định số 4083/2006/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân quận Bình Thạnh về việc đổi tên Trường Mầm non bán công 25B thành Trường Mầm non 25B, quận Bình Thạnh.

Được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Phòng Giáo dục và Đào tạo, trường đã được xây mới và đưa vào hoạt động từ năm học 2013-2014 với diện tích khuôn viên 1740,6 m² (diện tích sàn xây dựng 2101 m²), có đầy đủ khối phòng hành chính, 09 phòng học thoáng mát an toàn, các phòng chức năng, sân chơi, cùng với hệ thống trang thiết bị khá hiện đại, đồng bộ đáp ứng cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

Từ năm 2013 đến nay, Trường Mầm non 25B đã từng bước nỗ lực đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục trẻ; tạo được uy tín đối với lãnh đạo, các bậc cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên đồng đều về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm. Qua quá trình nỗ lực của tập thể, liên tục trong nhiều năm qua nhà trường đã được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ năm học 2012-2013; Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố trong năm học 2020-2021; Bằng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2018-2019; Bằng khen UBND Thành phố năm học 2021-2022. Năm học 2016-2017 đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 (lần 1) và năm học 2020- 2021, Trường Mầm non 25B đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 (lần 2).

2. Mục đích tự đánh giá

Với quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, giữ vững danh hiệu cao quý cùng với sự tín nhiệm từ phía cha mẹ trẻ, các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương. Trường Mầm non 25B đã triển khai công

tác tự đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Qua việc đánh giá sẽ giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh cũng như những điểm yếu nhằm cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường. Công tác quản lý ngày một chặt chẽ hơn, mỗi cá nhân sẽ nhận thức rõ hơn vai trò trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Tập thể sư phạm Trường Mầm non 25B cố gắng phấn đấu giữ vững thành tích đạt được trong các năm qua và năm học 2022-2023 đạt Bằng Khen Thủ tướng Chính phủ.

Thông qua kết quả tự đánh giá làm căn cứ giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục nhà trường để được cơ quan chức năng đánh giá đạt chuẩn quốc gia và duy trì công nhận Trường Mầm non 25B đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục mức độ 2.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

3.1. Tuần 1 tháng 6 năm 2023: thành lập Hội đồng tự đánh giá. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, xây dựng kế hoạch tự đánh giá. Họp Hội đồng sư phạm nhà trường phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường, tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3.2. Tuần 2 tháng 6 năm 2023: thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá. Cá nhân và các tổ thực hiện thu thập minh chứng liên quan đến từng tiêu chí theo sự phân công của Chủ tịch hội đồng, mã hóa các minh chứng thu được. Cá nhân và các tổ viết phiếu đánh giá tiêu chí.

3.3. Tuần 1 tháng 7 năm 2023: đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá.

Họp Hội đồng tự đánh giá thảo luận về những vấn đề nảy sinh từ các minh chứng thu được và xác định những minh chứng cần thu thập bổ sung. Cá nhân báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá tiêu chí để lấy ý kiến góp ý. Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí. Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung. Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá. Dự thảo báo cáo tự đánh giá, kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.

3.4. Tuần 1 tháng 8 năm 2023: công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường.

Họp Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo tự đánh giá đã được điều chỉnh. Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp. Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá, công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường.

3.5. Tuần 2 tháng 8 năm 2023: nộp báo cáo về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

3.6. Tháng 10 năm 2023: thực hiện hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài về Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Gửi báo cáo tự đánh giá về phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh; Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo công văn đề nghị được quan tâm, hỗ trợ trong quá trình thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng theo kế hoạch cải tiến chất lượng đã nêu trong báo cáo tự đánh giá. Cập nhật, bổ sung báo cáo tự đánh giá và thực hiện lưu trữ hồ sơ tại trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non và quản lý thực hiện mục tiêu giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chức năng và nhiệm vụ của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường đều được thể chế hóa bằng văn bản và được triển khai thực hiện nghiêm túc; các đoàn thể luôn chủ động và hoạt động đạt hiệu quả. Trường Mầm non

25B thực hiện tốt công tác quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng phương hướng chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025, số 119/KH-MN25B, ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Trường Mầm non 25B. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật Giáo dục (Điều 23, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân); phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của

Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2020, thực hiện Đề án phát triển Giáo dục mầm non theo từng giai đoạn như: củng cố phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non, đa dạng hóa các phương thức nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi, giúp nhà trường định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như phát huy vai trò lãnh đạo, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ về công tác xã hội hóa giáo dục, có định hướng, có kế hoạch cụ thể và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực huy động được trong suốt quá trình xây dựng và phát triển giáo dục giai đoạn 2020-2025 [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt, ngày 12 tháng 10 năm 2020 [H1-1.1-01].

c) Phương hướng chiến lược Trường Mầm non 25B được phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng tin tuyên truyền nhà trường và trên cổng thông tin điện tử của đơn vị [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường về nâng cao trình độ chuyên môn, xây dựng cơ sở vật chất, thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục và thực hiện Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 3:

Công tác rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thực hiện định kỳ trong từng năm học thông qua các buổi họp hội đồng trường [H1-1.1-05]. Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các

thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng. Tuy nhiên, phương hướng, chiến lược của nhà trường chưa nhận được sự quan tâm đồng đạo của cha mẹ trẻ và cộng đồng [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng đã xây dựng đầy đủ phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn. Có các biện pháp cụ thể để tiến hành giám sát, bổ sung, điều chỉnh kịp thời việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng phát và triển nhà trường. Bên cạnh, đã thực hiện hiệu quả công tác công khai đến đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cộng đồng thông qua các buổi họp trong nhà trường, trên bản tin tuyên truyền nội bộ và cổng thông tin điện tử của nhà trường.

3. Điểm yếu

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa nhận được sự quan tâm đồng đạo của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển với các giải pháp cụ thể đảm bảo nhu cầu phát triển và tiến bộ chung của ngành. Tăng cường công tác giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong những năm học tới. Đẩy mạnh sự tham gia đóng góp ý kiến của cha mẹ trẻ đối với kế hoạch chiến lược của nhà trường phù hợp nhằm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường nhiệm kì 2020-2025 được thành lập theo Quyết định số 17346/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh. Hội đồng trường gồm có 11 thành viên. Thành viên của các hội đồng trong nhà trường gồm cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện UBND Phường và Trưởng ban đại diện cha mẹ trẻ [H1-1.2-01]. Ngoài ra nhà trường còn thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng [H1-1.2-02], Hội đồng khoa học thẩm định sáng kiến [H1-1.2-03], Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi [H1-1.2-04].

b) Các hội đồng trong nhà trường đáp ứng yêu cầu cơ cấu tổ chức, thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 18, 19 Điều lệ trường mầm non (Thông tư 52/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường mầm non): Hội đồng trường làm việc theo phương thức thảo luận, thông qua các nghị quyết tập thể tại các cuộc họp của Hội đồng trường để đưa ra các quyết định trong phạm vi các nhiệm vụ đã được quy định [H1-1.2-01]; Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng chấm sáng kiến xây dựng các nội dung khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo từng học kỳ, năm học [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường dự giờ các hoạt động học, giờ chơi và giờ ăn được quy định trong Chương trình giáo dục mầm non, có tác dụng giáo dục, khuyến khích động viên giáo viên học hỏi, trao đổi, rút kinh nghiệm trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H1-1.2-04].

c) Hoạt động của các hội đồng được nhà trường định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện thông qua các cuộc họp của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em của nhà trường [H1-1.1-05].

Mức 2:

Các hội đồng trong nhà trường thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao: Hội đồng trường đã quyết nghị mục tiêu, chiến lược, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, nội quy, quy chế của đơn vị, việc sử dụng tài chính, tài sản, việc thực hiện quy chế dân chủ và thực hiện nhiệm vụ giám sát các hoạt động trong nhà trường [H1-1.2-01]; Hội đồng thi đua khen thưởng đã phát động phong trào thi đua trong đơn vị, bình xét thi đua 2 lần/năm học vào học kỳ I và cuối năm, đề xuất khen thưởng cấp quận, thành phố và cấp cao cho tập thể và các cá nhân [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm sáng kiến đã định hướng cho các cá nhân thực hiện sáng kiến; kiểm tra, đôn đốc viết sáng kiến, xét duyệt các sáng kiến cấp trường và thực hiện hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến quận, thành phố [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi thực hiện nhiệm vụ đóng góp ý kiến, đề xuất khen thưởng kịp thời, tạo động lực cho các cá nhân phát huy năng lực, sáng tạo [H1-1.2-04], hoạt động của các hội đồng trong nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường [H1-1.1-05]. Tuy nhiên, hồ sơ hội đồng trường sắp xếp chưa khoa học, một số nội dung ghi chép chưa theo trình tự.

2. Điểm mạnh

Các hội đồng trong nhà trường được thành lập đầy đủ và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hoạt động của các hội đồng được tổ chức thực hiện có hiệu quả, được rà soát, đánh giá trong từng năm học, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Hồ sơ hội đồng trường sắp xếp chưa khoa học, một số nội dung ghi chép chưa theo trình tự.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì các hội đồng trong nhà trường và tổ chức hoạt động đạt hiệu quả, Chủ tịch Hội

đồng trường chỉ đạo, hướng dẫn các thành viên trong Hội đồng sắp xếp, lưu trữ hồ sơ một cách khoa học, ghi chép các nội dung đầy đủ theo quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Tổ chức Công đoàn Trường Mầm non 25B có 31 Công đoàn viên, hồ sơ Công đoàn được cập nhật theo từng năm, tháng, có đầy đủ các kế hoạch, quyết định, văn kiện, báo cáo [H1-1.3-01]. Chi đoàn có 05 Đoàn viên là lực lượng nòng cốt, lưu trữ hồ sơ đúng theo quy định [H1-1.3-02]. Ngoài ra, còn có Chi Hội Khuyến học với 31 hội viên [H1-1.3-03] và Hội Chữ thập đỏ với 31 hội viên [H1-1.3-04].

b) Các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chi hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, góp phần cùng nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

c) Hàng năm hoạt động của các tổ chức Đoàn thể trong nhà trường có đánh giá nhận xét vào cuối năm học, Công đoàn và Chi đoàn tổ chức buổi họp để nhận xét, đánh giá các hoạt động, rút kinh nghiệm về ưu, khuyết điểm, những việc làm được và những tồn tại trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch năm học [H1-1.1-04].

Mức 2:

a) Trường Mầm non 25B có Chi bộ độc lập, trực thuộc Đảng ủy Phường 25, quận Bình Thạnh. Chi bộ có 19 đảng viên/31 cán bộ, giáo viên, nhân viên tỷ lệ đạt 61%. Chi bộ Trường Mầm non 25B có cơ cấu tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 05 năm qua, Chi bộ được đánh giá từ tốt trở lên [H1-1.3-05], cụ thể như sau:

Chi bộ	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Kết quả đánh giá	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ

b) Công đoàn cơ sở làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến toàn thể công đoàn viên thông qua các buổi họp Hội đồng nhà trường hằng tháng, các buổi họp sinh hoạt tổ công đoàn. Công đoàn đóng góp các loại quỹ cho xã hội, chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn của công đoàn viên [H1-1.3-01]. Đoàn viên Thanh niên tham gia tốt các hoạt động do Đoàn Phường 25 phát động như “Ngày Chủ nhật xanh”, phòng chống dịch bệnh Covid-19, sốt xuất huyết, tay chân miệng. Đoàn Thanh niên xây dựng tốt các chương trình hành động và giới thiệu Đoàn viên ưu tú cho Đảng [H1-1.3-02]. Chi Hội Khuyến học thực hiện xây dựng quỹ “Tiết kiệm nuôi heo đất khuyến học” hỗ trợ cho trẻ em nghèo hiếu học trên địa bàn Phường 25

[H1-1.3-03]. Hội Chữ thập đỏ vận động từ 2-3 hội viên tham gia hiến máu nhân đạo tình nguyện, tham gia Hội thi Sơ cấp cứu cấp quận đạt giải nhì, giải ba [H1-1.3-04]. Các đoàn thể và chi hội Khuyến học, hội Chữ thập đỏ đã có nhiều hoạt động tích cực, hiệu quả góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 3:

a) Chi bộ chỉ đạo chính quyền lãnh đạo các hoạt động của nhà trường đem lại hiệu quả trong công tác quản lý. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chi bộ của trường đã đạt 03 năm liền hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ; 100% đảng viên được xếp loại đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 03 Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-06].

b) Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường có nhiều đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng: Công đoàn đóng góp các loại quỹ xã hội, hỗ trợ đồng nghiệp khó khăn ngoại thành vui tết và hoạt động phong trào hội thi do Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh phát động [H1-1.3-01]. Chi đoàn thực hiện tốt công trình thanh niên “Xây dựng trường học xanh” và tham gia các hoạt động phong trào hội thi do Quận Đoàn phát động “Liên hoan thể dục nhịp điệu”, đạt giải 3 [H1-1.3-02]. Chi hội Khuyến học thực hiện hiệu quả công tác khuyến học khuyến tài. Hằng năm, Chi hội Khuyến học trường hỗ trợ 100 quyển tập trắng cho lớp học “Phổ cập giáo dục Phường 25” [H1-1.3-03]. Chi hội Chữ thập đỏ thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em và cán bộ, giáo viên, nhân viên; hiến máu nhân đạo, tuyên truyền vận động hội viên tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện [H1-1.3-04]. Tuy nhiên, còn một số Đoàn viên thanh niên có gia đình và con nhỏ nên thời gian tham gia hoạt động ngoài giờ còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức khác trong nhà trường tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi

đưa yêu nước, có nhiều đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Chi bộ có lực lượng nòng cốt lãnh đạo các hoạt động trong nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Một số đoàn viên thanh niên có gia đình và con nhỏ nên thời gian tham gia hoạt động ngoài giờ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Chi đoàn tiếp tục duy trì và phát huy những mặt mạnh góp phần đẩy mạnh hoạt động của nhà trường. Đồng thời Bí thư lắng nghe tâm tư, nguyện vọng Đoàn viên, xây dựng kế hoạch, sắp xếp hoạt động, tổ chức phân công các nhiệm vụ, phù hợp với tình hình Đoàn viên.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đến thời điểm tự đánh giá, Trường Mầm non 25B có đủ hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01].

b) Toàn trường có 6 tổ, gồm 05 tổ chuyên môn (tổ chuyên môn nhóm lớp 19-36 tháng, tổ chuyên môn khối 3-4 tuổi, tổ chuyên môn khối 4-5 tuổi, tổ chuyên môn khối 5-6 tuổi, tổ nhân viên nấu ăn) và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn có giáo viên và nhân viên nấu ăn; tổ văn phòng có nhân viên kế toán, văn thư, thủ quỹ, nhân viên y tế, bảo vệ và nhân viên phục vụ. Mỗi tổ chuyên môn có tổ trưởng được phân công hỗ trợ quản lý thực hiện các chỉ đạo chuyên môn theo quy định [H1-1.4-02].

c) Căn cứ vào kế hoạch năm học của nhà trường, tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ theo quy định, sinh hoạt định kỳ 2 tuần 1 lần: tổ chuyên môn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-03]; tham gia đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên [H1-1.4-04]; các thành viên của tổ chuyên môn và tổ văn phòng tham gia đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ, xếp loại hằng năm [H1-1.4-05]; Tổ văn phòng giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản và lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện các chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục như: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, “Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội”, “Tổ chức hoạt động phát triển thể chất cho trẻ theo độ tuổi trong trường mầm non”, “Phát triển bài tập trò chơi trong hoạt động Làm quen chữ viết”, “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ”, “Đổi mới hoạt động giáo dục âm nhạc”, “Đổi mới hoạt động

tạo hình”, “ Sử dụng bộ chuẩn 5 tuổi vào đánh giá trẻ 5 tuổi”, “Đổi mới phát triển ngôn ngữ”, “Tổ chức giờ ăn cho trẻ mầm non”, “Thao tác chế biến món ăn cho trẻ của cấp dưỡng”... [H1-1.4-08].

b) Cuối mỗi năm học, Hội đồng trường tổ chức rà soát tình hình nhân sự và đánh giá kết quả hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung nhân sự của tổ cho năm học mới, thông qua các buổi họp cuối năm [H1-1.1-05]; [H1-1.4-02].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp hiệu quả trong việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, nhân viên trong tổ; đánh giá chất lượng công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; quản lý tốt tài sản, tài chính và thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, còn 02 thành viên ở tổ văn phòng và 01 thành viên ở tổ chuyên môn chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến trong các buổi họp [H1-1.1-03].

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn của tổ và của nhà trường. Cụ thể: trong năm học 2020-2021, trường thực hiện chuyên đề cấp Quận “Xây dựng môi trường thiên nhiên, tăng cường vận động cho trẻ”; năm học 2021-2022 thực hiện chuyên đề cấp Quận “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, qua chuyên đề giáo viên được bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, đã góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.4-08]. Ngoài ra, tổ chuyên môn giáo viên còn đề xuất và thực hiện hiệu quả các hoạt động lễ hội và hội thi có sự tham gia của cha mẹ trẻ như: Bé vui đến trường, Ngày hội Cô Và Mẹ, Hội chợ Xuân, Té nước, Bé khỏe Bé Ngoan, Thử tài Cô và Bé, Ngôi Sao Nhí [H1-1.4-09].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ trường mầm non. Tổ chuyên môn thực hiện tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức hiệu quả các chuyên đề cấp trường,

cấp quận góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn tại đơn vị. Các tổ đề xuất khen thưởng kịp thời đối với những nhân tố tích cực theo từng thời điểm tham gia phong trào.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn 02 thành viên ở tổ văn phòng và 01 thành viên ở tổ chuyên môn chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến trong các buổi họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng duy trì cơ cấu các tổ chuyên môn theo quy định, phân công 02 phó hiệu trưởng tham dự các buổi họp của tổ để định hướng công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của các thành viên trong tổ. Động viên, khuyến khích giáo viên, nhân viên mạnh dạn đóng góp ý kiến, chia sẻ kinh nghiệm trong các buổi họp, kịp thời giải đáp những khó khăn vướng mắc.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tại thời điểm đánh giá, các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo được phân chia độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, gồm: 03 nhóm nhà trẻ (01 nhóm lớp 19-24 tháng và 02 nhóm lớp 25-36 tháng) và 6 lớp Mẫu giáo gồm: 02 lớp 3-4 tuổi, 02 lớp 4-5 tuổi, 02 lớp 5-6 tuổi [H1-1.5-01].

b) 100% trẻ ở các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học bán trú tại trường [H1-1.5-02].

c) Trong 5 năm gần đây, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04].

Mức 2:

Năm học 2023-2024, nhà trường nhận trẻ theo đúng kế hoạch tuyển sinh. Tại thời điểm tự đánh giá, số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi. [H1-1.5-01]. Tuy nhiên, số lượng trẻ ở nhóm nhà trẻ chưa đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch tuyển sinh và Điều lệ trường mầm non.

Nhóm, lớp	Số trẻ thực tế
Thỏ Ngọc (19-24 tháng)	16
Sóc Nâu 1 (25-36 tháng)	23
Sóc nâu 2 (25-36 tháng)	23
Mầm 1 (3-4 tuổi)	25
Mầm 2 (3-4 tuổi)	25
Chồi 1 (4-5 tuổi)	30
Chồi 2 (4-5 tuổi)	30
Lá 1 (5-6 tuổi)	35
Lá 2 (5-6 tuổi)	35

Mức 3:

Trường có tổng số 09 nhóm, lớp trong đó có 03 nhóm nhà trẻ và 06 lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia đúng độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu

Số lượng trẻ ở nhóm nhà trẻ chưa đạt chỉ tiêu theo kế hoạch tuyển sinh và Điều lệ trường mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Học kỳ I năm học 2023-2024, hiệu trưởng tiếp tục thực hiện đúng chỉ tiêu tuyển sinh, nhận và phân chia trẻ đúng độ tuổi theo quy định nhằm đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ được tốt nhất; phối hợp Hội đồng giáo dục Phường 25 thông tin đến người dân trên địa bàn kế hoạch tuyển sinh của trường nhằm huy động thêm trẻ các nhóm trẻ ra lớp, đảm bảo đúng chỉ tiêu trẻ theo Điều lệ trường mầm non.

5. Tự đánh giá: đạt mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có hệ thống hồ sơ được lưu trữ đầy đủ theo quy định của Luật Lưu trữ theo Thông tư 07/2012/TT-BNV ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Bộ nội vụ gồm: hồ sơ quản lý tài chính-tài sản [H1-1.4-06]; hồ sơ quản lý cơ sở vật chất [H1-1.4-07]; sổ lưu trữ công văn đi-đến [H1-1.6-01]; hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-02]. Các hồ sơ luôn đáp ứng các tiêu chuẩn về dữ liệu thông tin đầu vào, đảm bảo tính kế thừa, tính thống nhất.

b) Căn cứ vào Luật Ngân sách và chỉ đạo của cấp trên, nhà trường lập dự toán thu chi ngân sách hằng năm phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị; thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, kiểm tra tài sản; thực hiện công khai và tự kiểm tra tài chính, tài sản định kỳ, thực hiện hồ sơ Nghị quyết 03 hằng quý theo quy định [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]. Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở lấy ý kiến thảo luận đóng góp của tập thể để bổ sung cập nhật phù hợp với các quy định hiện hành [H1-1.4-06].

c) Hiệu trưởng quản lý và chỉ đạo nhân viên kế toán sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và đúng quy định [H1-1.4-06]; giáo viên, nhân viên sử dụng, giữ gìn và bảo quản tốt tài sản trường, lớp và phòng làm việc nhằm phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-07].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm Moet, phần mềm ePMIS, phần mềm dịch vụ công trên cổng thông tin điện tử nhà nước, phần mềm thu học phí SSC, phần mềm Bảo hiểm xã hội, kê khai thuế điện tử. Nhà trường thực hiện quản lý tài chính và tài sản thông qua các phần mềm như: phần mềm quản lý tài sản, phần mềm kế toán IMAS [H1-1.6-05].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không

xây ra các trường hợp vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-06].

Mức 3:

Trường chưa xây dựng được kế hoạch ngắn hạn hằng tháng, trung hạn hằng năm và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường thực tế của địa phương; để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với đơn vị đã thực hiện trích lập các nguồn quỹ như: quỹ phát triển sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ bổ sung thu thu nhập, quỹ khen thưởng,... [H1-1.4-06]; huy động các tổ chức, cá nhân xây dựng nguồn tài trợ giáo dục để xây dựng cơ sở vật chất nhà trường [H1-1.6-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phát huy tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định; thực hiện việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả.

3. Điểm yếu

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản cũng như thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả. Trong năm học 2023-2024, kế toán tham mưu với hiệu trưởng xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn tạo ra các nguồn tài chính nhằm phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ thông qua việc cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia học tập các lớp nâng cao trình độ [H1-1.7-01]; thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch năm học [H1-1.7-02]; tổ chức thao giảng các chuyên đề trọng tâm trong năm học [H1-1.4-08]; dự giờ, bồi dưỡng giáo viên, nhân viên [H1-1.7-03] và trao đổi thảo luận, rút kinh nghiệm trong các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ của tổ [H1-1.4-03].

b) Hiệu trưởng phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thực hiện nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực của từng cá nhân, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.6-01].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em [H1-1.1-03]; được khuyến khích đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-01]; hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật [H1-1.7-04]; hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự và được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.7-05].

Mức 2:

Cán bộ quản lý phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục thông qua việc giới thiệu, đề cử cán bộ quản lý quy hoạch [H1-1.7-06]; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn [H1-1.4-02]; tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia

các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-01]; tổ chức chuyên đề nhằm nâng cao kỹ năng sư phạm và đổi mới phương pháp giáo dục [H1-1.4-08] và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho đội ngũ. Tuy nhiên, còn 02/18 giáo viên (tỷ lệ 11%) khi tổ chức hoạt động học, vui chơi chưa vận dụng nội dung, phương pháp linh hoạt nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ [H1-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn 02 giáo viên khi tổ chức hoạt động học, vui chơi chưa vận dụng nội dung, phương pháp linh hoạt nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Học kỳ I năm học 2023-2024, hiệu trưởng tiếp tục triển khai kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phân công, sử dụng hợp lý, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên thông qua các buổi họp chuyên môn, dự giờ thực tế và tạo điều kiện cho giáo viên dự giờ các bạn đồng nghiệp để học tập về cách vận dụng nội dung, phương pháp linh hoạt và phát huy tính chủ động, tích cực của trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường được thực hiện theo năm tháng, tuần đảm bảo phù hợp với quy định của Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

b) Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ của nhà trường, cán bộ quản lý chỉ đạo 100% giáo viên các nhóm, lớp thực hiện đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục trên phần mềm giáo dục Gokids theo năm, tháng, ngày của từng lứa tuổi. Tổ chức các hoạt động trong ngày đảm bảo các mục tiêu, nội dung của Chương trình giáo dục mầm non nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện [H1-1.8-02].

c) Định kỳ hàng tháng, sau mỗi học kỳ và đầu năm học, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục phối hợp cùng giáo viên tiến hành rà soát, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục, nhận xét những ưu và khuyết điểm trong kế hoạch, đánh giá những mặt làm tốt và những chỗ còn hạn chế trong kế hoạch của từng giáo viên [H1-1.1-04]; [H1-1.7-04]; từ đó giúp giáo viên điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục cho phù hợp với thực tế đơn vị và điều kiện của trường, lớp [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục phối hợp với các tổ trưởng chuyên môn chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục theo chế độ sinh hoạt trong ngày phù hợp với trẻ ở từng lứa tuổi theo Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.8-01]; hằng tháng, Ban kiểm tra nội bộ của nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua việc dự giờ giáo viên [H1-1.8-03]. Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của

trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh đánh giá thực hiện tốt thông qua các lần kiểm tra các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.8-04]. Tuy nhiên, có 02 giáo viên chưa linh hoạt, sáng tạo trong việc xây dựng môi trường giáo dục trẻ theo mục tiêu “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý chặt chẽ việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non và phân công rõ ràng, cụ thể từng cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Kế hoạch giáo dục được xây dựng; triển khai và rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời trong từng học kỳ và từng năm học.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn 02 giáo viên chưa linh hoạt, sáng tạo trong việc xây dựng môi trường giáo dục trẻ theo mục tiêu “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2023-2024 phân công phó hiệu trưởng giáo dục có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên về lập kế hoạch giáo dục và xây dựng môi trường theo mục tiêu “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

Những năm học kế tiếp cán bộ quản lý tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp chỉ đạo, bồi dưỡng, kiểm tra, đánh giá để góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) *Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến kế hoạch, đề án, dự án, chiến lược, định hướng phát triển của nhà trường; kế hoạch năm, tháng của đơn vị; việc tổ chức phong trào thi đua; báo cáo sơ kết, tổng kết, các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động trong nhà trường và lề lối làm việc; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động, việc thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và nội quy, quy chế của nhà trường ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.9-01].

b) Nhà trường có phân công cán bộ tiếp công dân đầy đủ để giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền của nhà trường. Từ năm 2018-2019 đến thời điểm báo cáo, trường không có trường hợp khiếu nại, tố cáo xảy ra [H1-1.1-04]; [H1-1.9-01].

c) Nhà trường có báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm đầy đủ, kịp thời, đúng thời gian quy định [H1-1.7-06]; [H1-1.9-01].

Mức 2:

Các hoạt động của nhà trường thực hiện theo quy chế dân chủ, dưới sự giám sát của Ban Thanh tra nhân dân. Nhà trường tạo mọi điều kiện để Ban Thanh tra nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ, các hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được tiến hành thường xuyên và có báo cáo hàng năm. Tất cả các nội dung đều được

đưa ra hội đồng sư phạm nhà trường thảo luận và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]. Tuy nhiên, Ban Thanh tra nhân dân thực hiện báo cáo đôi lúc còn chậm do kiêm nhiệm nhiều công tác.

2. Điểm mạnh

Quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường được thực hiện đầy đủ, đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả. Trong 05 năm qua, nhà trường không xảy ra khiếu nại, tố cáo.

3. Điểm yếu

Ban Thanh tra nhân dân thực hiện báo cáo đôi lúc còn chậm do kiêm nhiệm nhiều công tác.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và trong những năm tiếp theo, nhà trường sẽ tiếp tục duy trì các biện pháp đã đề ra nhằm giữ vững danh hiệu đạt được và cùng nhau xây dựng tập thể bền vững. Tổ chức phân công các bộ phận theo dõi cập nhật email kịp thời, thực hiện báo cáo đúng tiến độ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học [H1-1.10-01]; phương án đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, thảm họa, thiên tai [H1-1.10-03]; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-05]; phương án phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-06]. Bếp ăn trong nhà trường đảm bảo đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-02].

b) Hộp thư góp ý, đường dây nóng số điện thoại của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và số điện thoại văn phòng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân được đặt tại cổng trường [H1-1.10-07]. Hiệu trưởng xây dựng quy chế phối hợp giữa nhà trường và công an địa phương bảo đảm an ninh trật tự, phòng ngừa, phát hiện những biểu hiện gây mất an ninh trật tự trường học, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xử lý các vấn đề về an ninh an toàn xã hội [H1-1.10-01]. Có 2 bảo vệ thực hiện nghiêm túc ca trực ngày và đêm đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong trường. Bảo vệ thường xuyên kiểm tra đồ dùng, đồ chơi khi có hư hỏng, báo sửa kịp thời, thực hiện sổ trực, sổ theo dõi khách đến liên hệ công tác [H1-1.10-08].

c) Trong 05 năm qua, các hoạt động trong nhà trường đều được phân công cụ thể phù hợp với năng lực của từng giáo viên, nhân viên [H1-1.6-01]. Cán bộ quản lý đối xử bình đẳng với giáo viên, nhân viên; giáo viên đối xử công

bằng với trẻ, hết lòng thương yêu trẻ [H1-1.7-06]; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

a) Hàng năm, nhà trường phối hợp với các ban ngành tổ chức tập huấn, diễn tập cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về việc thực hiện phương án đảm bảo an ninh, trật tự [H1-1.10-01]; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-04]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; an toàn phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-05]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường theo đúng quy định [H1-1.10-06]. Tuy nhiên, vẫn còn 10% cha mẹ trẻ chưa để xe đúng nơi quy định còn để xe phía trước cổng gây cản trở giao thông giờ đón, trả trẻ.

b) Căn cứ kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường, cán bộ quản lý phối hợp với Ban kiểm tra nội bộ tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của giáo viên tại lớp học [H1-1.8-03]; nhằm phát hiện và kịp thời ngăn chặn các hành vi, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, cũng như theo dõi tình hình an ninh trật tự trong nhà trường [H1-1.10-03]. Trong 05 năm qua, nhà trường không xảy ra các hiện tượng bạo lực học đường và mất an ninh trật tự trường học [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và phổ biến, triển khai đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Trong 05 năm qua, không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, bạo lực học đường và mất an ninh trật tự trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Vẫn còn 10% cha mẹ trẻ chưa để xe đúng nơi quy định còn để xe phía trước cổng gây cản trở giao thông giờ đón, trả trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm;

an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; bếp ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng chỉ đạo tổ bảo vệ yêu cầu cha mẹ trẻ để xe đúng nơi quy định khi vào trường, tránh gây cản trở giao thông giờ đón, trả trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể khác đã phối hợp tốt cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Nhà trường thực hiện tốt các công tác quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản theo đúng quy định; thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị.

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên. Tạo điều kiện cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia học tập bồi dưỡng, đảm bảo các quyền lợi theo đúng quy định; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Nhà trường xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của trường.

Điểm yếu cơ bản:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa nhận được sự quan tâm đồng đạo của cha mẹ trẻ.

Hồ sơ hội đồng trường sắp xếp chưa khoa học một số nội dung ghi chép chưa theo trình tự.

Một số Đoàn viên thanh niên có gia đình và con nhỏ nên thời gian tham gia hoạt động ngoài giờ còn hạn chế.

02 thành viên ở tổ văn phòng và 01 thành viên ở tổ chuyên môn chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến trong các buổi họp.

Số lượng trẻ ở nhóm nhà trẻ chưa đủ chỉ tiêu theo kế hoạch tuyển sinh và Điều lệ trường mầm non.

Trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương.

Nhà trường còn 02 giáo viên khi tổ chức hoạt động học, vui chơi chưa vận dụng nội dung, phương pháp linh hoạt nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của trẻ.

02 giáo viên chưa linh hoạt, sáng tạo trong việc xây dựng môi trường giáo dục trẻ theo mục tiêu “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.

Ban Thanh tra nhân dân thực hiện báo cáo đôi lúc còn chậm do kiêm nhiệm nhiều công tác.

10% cha mẹ trẻ chưa để xe đúng nơi qui định còn để xe phía trước cổng gây cản trở giao thông giờ đón, trả trẻ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là yếu tố quyết định sự phát triển của nhà trường. Đó phải là đội ngũ đạt chuẩn về đào tạo, có đầy đủ phẩm chất năng lực cần thiết và không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của công việc. Chính vì vậy, nhà trường luôn tập trung công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên để có đủ năng lực nuôi dạy trẻ. Với những nỗ lực trong nhiều năm qua, Trường Mầm non 25B đã từng bước có những đổi mới trong công tác đáp ứng tốt những yêu cầu mục tiêu giáo dục của nhà trường nói riêng và của ngành nói chung.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng công tác trong ngành từ năm 2010 đến nay (13 năm), phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục được bổ nhiệm về trường Mầm non 25B từ ngày 17 tháng 8 năm 2022 đến nay (14 tháng); phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng công tác từ năm 2013 đến nay (10 năm). Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng đã tốt nghiệp Đại học sư phạm mầm non. Cán bộ quản lý có chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục; có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực tổ chức, quản lý nhà trường, có đủ sức khỏe và được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tín nhiệm [H1-1.4-01].

b) Cuối năm học, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng thực hiện việc đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định và được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng từ khá trở lên [H2-2.1-01], cụ thể như sau:

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Hiệu trưởng	Khá	Khá	Khá	Tốt	Tốt

Phó hiệu trưởng giáo dục	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá
Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá

c) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục như: nghiệp vụ quản lý ngạch chuyên viên, chứng chỉ đào tạo đầu thầu cơ bản đối với lựa chọn nhà thầu, kiến thức quốc phòng - an ninh, Anh văn, tin học, bồi dưỡng kỹ năng giải quyết khiếu nại, tố cáo [H2-2.1-02].

Mức 2:

a) Trong 05 năm qua, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng luôn được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá đến tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Hiệu trưởng	Khá	Khá	Khá	Tốt	Tốt
Phó hiệu trưởng giáo dục	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá
Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị; Tham gia các lớp Bồi dưỡng chính trị hè, lớp An ninh quốc phòng, phòng chống tham nhũng, tham gia các buổi tập huấn về Nghị quyết của Đảng uỷ Phường 25, quận Bình Thạnh tổ chức; cán bộ quản lý chủ động tự học, cập nhật phát triển kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu đổi mới nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục phát triển toàn diện trẻ [H1-1.7-01]. Hiệu trưởng định hướng hoạt động chiến lược cho các năm học được cha mẹ trẻ đồng thuận và hưởng ứng; được sự tín nhiệm cao của giáo viên, nhân viên trong trường, có uy tín cao với nhân dân và ban ngành tại địa phương;

các Phó Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, phát triển năng lực cho trẻ; được giáo viên tín nhiệm và nghiêm túc thực hiện các kế hoạch đề ra [1-1.1-04]; [H2-2.1-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường được lãnh đạo cấp trên đánh giá mức khá và tốt theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Hiệu trưởng	Khá	Khá	Khá	Tốt	Tốt
Phó hiệu trưởng giáo dục	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá
Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng công tác liên tục trong ngành nhiều năm; đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trên chuẩn; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm nhiệm và luôn nhận được sự tín nhiệm cao từ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

3. Điểm yếu:

Hiện tại, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chưa sắp xếp thời gian tham gia lớp học đào tạo trình độ Thạc sĩ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng luôn giữ gìn phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực quản lý tốt để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vị trí công tác đang đảm nhiệm. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng sắp xếp thời gian tham gia lớp học đào tạo trình độ Thạc sĩ để nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng với tình hình hiện nay.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2022-2023, trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập, có 18 giáo viên phụ trách 09 nhóm lớp [H1-1.6-01].

b) Có 18/18 giáo viên (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn trình độ đào tạo; trong đó có 17/18 giáo viên (94,4%) có trình độ Đại học đạt trên chuẩn; 01 giáo viên hợp đồng (tỷ lệ 5,6%) có trình độ Cao đẳng sư phạm [H2-2.2-01].

c) Giáo viên của trường nghiêm túc thực hiện theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Trong những năm qua, 100% giáo viên đều được đánh giá từ mức đạt trở lên [H1-1.4-04].

Năm học	Số giáo viên	Kết quả xếp loại		
		Đạt	Khá	Tốt
Chu kỳ năm học 2018-2019 và 2019-2020	18	12/18 tỷ lệ 66,7%	05/18 tỷ lệ 27,8%	01/18 tỷ lệ 5,5%
Chu kỳ năm học 2020-2021 và 2021-2022	17	02/17 tỷ lệ 11,78%	10/17 tỷ lệ 58,8 %	5/17 tỷ lệ 29,42%
Năm học 2022-2023	17	0/17 tỷ lệ 0%	11/17 tỷ lệ 64,7 %	6/17 tỷ lệ 35,3%

Mức 2:

a) Trong 05 năm qua, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được tăng dần theo lộ trình [H1-1.6-01], cụ thể như sau:

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
--	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	---------

Đại học	10/19 tỷ lệ 52,6%	15/19 tỷ lệ 78,9%	14/18 tỷ lệ 78%	13/18 tỷ lệ 72%	17/18 tỷ lệ 94,4%	
Cao đẳng	08/19 tỷ lệ 42%	04/19 tỷ lệ 21,1%	04/18 tỷ lệ 22%	05/18 tỷ lệ 28%	01/18 tỷ lệ 5,6%	
Trung cấp	01/19 tỷ lệ 5,4%	00/19 tỷ lệ 0%	00/18 tỷ lệ 0%	00/18 tỷ lệ 0%	00/18 tỷ lệ 0%	

Năm học 2021-2022 có 04 giáo viên đã hoàn thành xong lớp Đại học sư phạm mầm non [H1-1.7-01].

b) Hằng năm, giáo viên nhà trường được đánh giá, xếp loại giáo viên mầm non theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-04]. Cụ thể như sau:

Năm học	Số giáo viên	Kết quả xếp loại		
		Đạt	Khá	Tốt
Chu kỳ năm học 2018-2019 và 2019-2020	18	12/18 tỷ lệ 66,7%	05/18 tỷ lệ 27,8%	01/18 tỷ lệ 5,5%
Chu kỳ năm học 2020-2021 và 2021-2022	17	02/17 tỷ lệ 11,78%	10/17 tỷ lệ 58,8%	5 /17 tỷ lệ 29,42%
Năm học 2022-2023	17	0/17 tỷ lệ 0%	11/17 tỷ lệ 64,70 %	6/17 tỷ lệ 35,3%

c) Giáo viên thực hiện tốt nội quy, quy định và quy chế chuyên môn tại đơn vị. Trong 05 năm qua tính đến thời điểm tự đánh giá, trường không có giáo viên bị kỷ luật [H1-1.1-04].

Mức 3:

a) Năm học 2022-2023, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo sư phạm mầm non 100%, đáp ứng tốt vị trí việc làm [H1-1.6-01].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, 100% tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp. Năm học 2022-2023, giáo viên xếp loại tốt: 6/17 tỷ lệ 35,3%; khá: 11/17 tỷ lệ 64,70%, đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 8 tháng 10 năm 2018 [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Tập thể giáo viên có phẩm chất đạo đức, nhiệt tình tâm huyết với nghề, có năng lực, đóng góp nhiều sáng kiến trong hoạt động giáo dục, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đạt 94,4%.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá chưa đạt 80 %.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trong công tác chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ để nâng tỷ lệ việc đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt khá theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018. Phấn đấu những năm tiếp theo, trường sẽ đạt Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non mức khá 80% trở lên.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập: 01 kế toán, 01 văn thư, 01 y tế kiêm thủ quỹ, 04 nhân viên cấp dưỡng, 02 nhân viên phục vụ, 02 nhân viên bảo vệ, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.4-02].

b) Hiệu trưởng phân công công việc cho nhân viên theo đúng chuyên ngành: kế toán có trình độ Đại học, văn thư có trình độ trung cấp, nhân viên y tế có trình độ trung cấp điều dưỡng, nhân viên nấu ăn có trình độ sơ cấp và trung cấp nấu ăn, bảo vệ có kinh nghiệm trong công tác [H1-1.6-01].

c) Đội ngũ nhân viên hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch và sự phân công, điều động của hiệu trưởng [H1-1.6-01]; thực hiện tốt quy chế chuyên môn và chấp hành nội quy của nhà trường; bảo đảm an toàn cho trẻ trong ăn uống và sinh hoạt trong nhà trường; tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến ăn uống cho trẻ, không để xảy ra ngộ độc đối với trẻ; có lối sống đạo đức tốt; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp; tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân và các quy định của pháp luật, của ngành, các quy định của nhà trường, quyết định của hiệu trưởng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Số lượng nhân viên trong nhà trường được bố trí đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập gồm 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên y tế, 02 nhân viên bảo vệ, 04 nhân viên nấu ăn, 02 nhân viên phục vụ và 09 nhân viên nuôi dưỡng [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật [H1-1.1-03]; [H1-1.4-05].

Mức 3

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: nhân viên kế toán có trình độ Đại học; nhân viên văn thư có trình độ trung cấp; nhân viên phụ trách y tế có trình độ Trung cấp điều dưỡng; 01/04 nhân viên cấp dưỡng có trình độ trung cấp nấu ăn và 04 nhân viên có bằng sơ cấp. Tuy nhiên, 02 nhân viên bảo vệ chưa qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ [H2-2.3-01].

b) Hằng năm, đội ngũ nhân viên nấu ăn được tham gia học tập, bồi dưỡng tập huấn quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm, thực hiện bài kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm do nhà trường tổ chức; nhân viên bảo vệ tham gia lớp bồi dưỡng về an ninh trật tự trường học; nhân viên y tế tham gia tập huấn về công tác y tế trường học, phòng chống dịch bệnh do Trung tâm Y tế quận Bình Thạnh tổ chức; nhân viên kế toán tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính do Phòng Tài chính - Kế hoạch quận tổ chức; nhân viên văn thư tham gia tập huấn lớp văn thư-lưu trữ do Phòng Nội vụ quận tổ chức; tất cả nhân viên tham gia lớp tập huấn sơ cấp cứu do nhà trường tổ chức [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Trường có số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định. Nhà trường phân công công việc phù hợp với chuyên môn năng lực thực tế của mỗi người. Đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao, luôn hỗ trợ phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu công tác.

3. Điểm yếu

Có 02 nhân viên bảo vệ chưa qua lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ tháng 09 năm học 2023-2024, hiệu trưởng theo dõi thông báo thời gian tổ chức lớp học tạo điều kiện cho 02 nhân viên bảo vệ tham gia học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ. Thực hiện chế độ chính sách nhằm khuyến khích nhân viên học tập nâng cao trình độ bằng nguồn kinh phí học tập do trường chi trả 50% và cá nhân tự trả 50%.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Cán bộ quản lý nhà trường có kinh nghiệm quản lý, năng động sáng tạo, tham mưu tốt với các cấp các ngành, nhận được sự tín nhiệm đối với tập thể nhà trường và cha mẹ trẻ.

Tập thể giáo viên có phẩm chất đạo đức, nhiệt tình tâm huyết với nghề, có năng lực, đóng góp nhiều sáng kiến trong hoạt động giáo dục, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn qui định 94,4%.

Đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao, luôn hỗ trợ phối hợp đáp ứng yêu cầu công tác.

Điểm yếu cơ bản:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chưa sắp xếp thời gian tham gia lớp học đào tạo trình độ Thạc sĩ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá chưa đạt 80%.

Có 02 nhân viên bảo vệ chưa được bồi dưỡng về chuyên môn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất trong trường mầm non là điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Đầu tư cơ sở vật chất chính là tạo môi trường thuận lợi cho trẻ tích cực hoạt động đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Chính vì vậy, song song với việc nâng chất lượng đội ngũ, Trường Mầm non 25B đã từng bước bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

- a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*
- b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*
- c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2:

- a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*
- b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*
- c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi

ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tổng diện tích đất sử dụng là 3130 m² trẻ, diện tích sử dụng bình quân 11m²/trẻ, đạt diện tích sử dụng bình quân tối thiểu cho 01 trẻ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

b) Trường có cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường rào được xây dựng kiên cố bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện, trang trí đẹp và an toàn cho trẻ em [H3-3.1-02].

c) Sân chơi của trường có diện tích 970 m², hiên chơi, hành lang của các lớp có tổng diện tích 567 m² được thiết kế các khu vực hoạt động vui chơi vận động trong lớp, ngoài trời phù hợp với trẻ mầm non. Sân trường có cây cảnh, cây bóng mát, cây hoa gần gũi với trẻ, có khu vực cho trẻ chơi vận động được bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường và đảm bảo an toàn cho trẻ và tất cả trẻ được tiếp cận sử dụng. Cây xanh được chăm sóc, cắt tỉa thường xuyên, tạo bóng mát cho trẻ vui chơi, học tập [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non, trong đó diện tích xây dựng công trình là 695/1740,6 m² đạt 39,9%; diện tích sân vườn, cây xanh, sân chơi, bãi tập là 970/1740,6 m² đạt 55,7% [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên nhà trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được nhân viên chăm sóc, cắt tỉa; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập. Tuy nhiên, diện tích vườn rau còn nhỏ không trồng được nhiều loại rau cho trẻ khám phá [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

c) Sân chơi ngoài trời của trẻ được bố trí, trang bị đồ chơi theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT, ngày 14 tháng 9 năm 2012, Ban hành danh

mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non: đồ chơi liên hoàn, thang leo, thang thẳng bằng, có khu vực chơi các trò chơi vận động. Khu vực trẻ chơi được lát gạch, khu vực vận động được trải thảm cỏ. Nhà trường cải tạo “khu chơi vườn âm nhạc” và “khu vui chơi nước” [H1-1.4-07]; [H3-3.1-03].

Mức 3:

Sân trường có khu vực sân chơi riêng để tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển vận động dành riêng cho lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo với đầy đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời, trong đó khu vui chơi dành cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ có đồ chơi vận động liên hoàn, xe chòi chân, đồ chơi thẳng bằng lượn sóng, bộ đồ chơi vật cản và các đồ chơi xe kéo, bóng... [H3-3.1-03]; khu vui chơi cho trẻ mẫu giáo gồm có vách leo núi, trò chơi vận động liên hoàn, thang leo, bước đi thẳng bằng, bóng rổ, khu chơi nước, chơi cát, sân chơi thiên nhiên và các đồ chơi phục vụ các trò chơi dân gian như: đi cà kheo, nhảy vòng, lăn bánh xe, bowling...[H1-1.4-07]; [H3-3.1-03]. Ngoài ra, phó hiệu trưởng chuyên môn phát động giáo viên tự làm đồ chơi cho trẻ để bổ sung, thay thế các đồ chơi vận động ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường được xây dựng kiên cố; khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn; hiên chơi có lan can đúng theo quy định. Sân chơi thoáng mát, có cây xanh được chăm sóc thường xuyên phù hợp cho trẻ vận động ngoài trời phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện và đảm bảo an toàn cho trẻ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Vườn rau của trẻ diện tích còn nhỏ, ít các loại rau cho trẻ khám phá.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch mua sắm và trang bị thêm đồ chơi vận động ngoài trời đa dạng về chủng loại nhằm khuyến khích trẻ tăng cường vận động, tiếp tục phát huy và duy trì tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp an toàn cho trẻ. Nhà trường cải tạo khu

vực vườn rau tăng cường diện tích hoạt động cho trẻ, duy trì mảng xanh xung quanh khuôn viên trường được đa dạng và phong phú.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 09 phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với 09/09 với số nhóm, lớp theo độ tuổi [H3-3.1-01]; [H3-3.2-01].

b) Phòng sinh hoạt chung đồng thời là phòng ngủ của trẻ [H3-3.2-01]; trường có 01 phòng tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật và 01 phòng đa năng [H3-3.2-02] được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng

cụ đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H3-3.2-03].

c) Tất cả các nhóm lớp có đầy đủ hệ thống đèn, quạt được trang bị ở các phòng đảm bảo ánh sáng tự nhiên, phòng thoáng mát. Các nhóm lớp đều được trang bị đầy đủ tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, các học liệu cần thiết cho trẻ hoạt động. Mỗi phòng đều có trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng [H1-1.4-07]; [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ của trẻ được sử dụng chung với tổng diện tích 575,4 m² bình quân 1,7 m²/trẻ; đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng mát; nền nhà lát gạch màu sáng, riêng các nhóm nhà trẻ, lớp mầm được lát sàn gỗ; các phòng đều được trang bị bàn, ghế đúng quy cách, đủ cho số trẻ trong lớp; bảng cho giáo viên và thiết bị đồ dùng, đồ chơi theo quy định; nơi ngủ của trẻ được trang bị nệm, gối, chăn, màn, tủ đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ [H3-3.2-01]. Phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 64 m², phòng giáo dục thể chất có diện tích 65m²; phòng đa năng có diện tích 69 m²; các phòng được trang bị đầy đủ thiết bị đồ dùng học tập được sắp xếp hợp lý, an toàn, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.2-02].

b) Mỗi phòng sinh hoạt chung được trang bị 01 tủ để nệm gối; 01 tủ để vật dụng; 01 kệ để ba lô trẻ và 06 đến 08 kệ chơi trong lớp với đầy đủ các loại đồ dùng, đồ chơi theo quy định tại Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non [H3-3.2-03]; phòng giáo dục nghệ thuật được lát gỗ sạch sẽ, trang bị đàn organ, trống, ti vi, đầu đĩa, hệ thống âm thanh, 02 tủ để trang phục, quần áo, dụng cụ âm nhạc, xung quanh tường gắn kính, gióng múa bằng Inox [H3-3.2-02]; phòng giáo dục thể chất được lát gỗ sạch sẽ thoáng mát và trang bị đầy đủ dụng cụ thể dục như: gậy, vòng, bóng, thang leo, ván dốc, băng ghế [H3-3.2-02]. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu tại các lớp học, phòng giáo dục nghệ

thuật, phòng giáo dục thể chất được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-02].

Mức 3:

Trường sử dụng các phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng đa năng để cho trẻ làm quen ngoại ngữ, nhịp điệu. Trẻ làm quen với tiếng anh được trang bị 01 bảng tương tác, 02 màn hình LCD, đủ bàn ghế, học liệu, thiết bị, tập sách cho trẻ học tập. Nhà trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ và tin học [H1-1.4-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng: phòng giáo dục nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất, phòng đa năng đảm bảo yêu cầu về diện tích, ánh sáng, an toàn và được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng phục vụ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Nhà trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ và tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì số phòng nhóm, lớp theo từng độ tuổi; phát huy hiệu quả tối đa các phòng sinh hoạt chung, các phòng chức năng để tổ chức hoạt động cho trẻ; có kế hoạch đề cải tạo, sắp xếp lại các phòng chức năng để làm thêm phòng học ngoại ngữ, tin học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;*
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các loại phòng được quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, bao gồm: phòng hiệu trưởng; phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục; phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng; văn phòng trường vừa là phòng họp hội đồng sư phạm và phòng tiếp các đoàn kiểm tra; phòng dành cho nhân viên, phòng bảo vệ; phòng y tế; phòng hành chính quản trị [H3-3.1-01].

b) Các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị làm việc gồm: bàn, ghế, tủ đựng hồ sơ, máy vi tính, máy photo, máy in, điện thoại liên lạc, các bảng biểu trong phòng tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý, nhân viên sử dụng [H3-3.3-01].

c) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí sau lưng các dãy lớp học, có khu riêng biệt, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có đầy đủ các loại phòng, đảm bảo diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non: Văn phòng trường có diện tích 56 m², phòng hiệu trưởng diện tích 15 m², phòng phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục diện tích 12,5 m², phòng phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng 16 m², phòng hành chính quản trị diện tích 24 m², phòng y tế có diện tích 12,5 m², phòng bảo vệ có diện tích 5,6 m², phòng dành cho nhân viên có diện tích 16 m² [H3-3.1-01].

b) Khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có mái che bố trí ở khu vực dễ quan sát, đảm bảo an toàn, tiện lợi [H3-3.3-01].

Mức 3:

Nhà trường có các phòng đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.3-01]. Tuy nhiên, phòng bảo vệ chưa đảm bảo diện tích theo qui định [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định, được trang bị đầy đủ các phương tiện, đồ dùng phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong công tác.

3. Điểm yếu

Phòng nhân viên bảo vệ chưa đảm bảo diện tích theo qui định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo Cán bộ quản lý tiếp tục duy trì các phòng theo quy định, sử dụng tốt các thiết bị, phương tiện làm việc nhằm giảm cường độ làm việc cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng tham mưu với Phòng tài chính, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh trong năm 2024 cải tạo phòng bảo vệ đảm bảo đúng diện tích theo qui định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố được đặt tại lầu 2, tổng diện tích 145,8m² trung bình 0,5m²/trẻ, được thiết kế theo quy trình bếp một chiều [H3-3.1-01].

b) Kho thực phẩm với diện tích 2 m² được bố trí 01 tủ kệ treo dùng để đựng lương thực và sữa dành cho trẻ đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; lối ra vào kho để xuất nhập hàng hóa thuận tiện; trong kho có 01 quạt gió để thông thoáng đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

c) Nhà trường trang bị đầy đủ đồ dùng lưu mẫu theo quy định như: tủ lạnh, hộp đựng mẫu lưu bằng inox, nhiệt kế; thực hiện lưu mẫu thức ăn tại bếp, được bảo quản riêng biệt với các thực phẩm khác, nhiệt độ bảo quản mẫu thức ăn lưu từ 2°C đến 8°C theo quy định của Bộ Y tế [H3-3.4-02].

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non với diện tích 145,8m² bình quân 0,5m²/trẻ. Gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều [H3-3.1-01]. Nhà bếp được trang bị đầy đủ đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường; dụng cụ chế biến thực phẩm bằng inox đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm [H3-3.4-03]; đủ nước sử dụng đảm bảo cho việc nấu ăn và sinh hoạt hằng ngày của trẻ, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định [H3-3.4-04]. Đảm bảo việc xử lý các chất thải đúng quy định; đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ [H3-3.4-05].

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, thông thoáng, đủ ánh sáng; cửa sổ có lưới để chống chuột, ruồi, nhặng, gián và các côn trùng có hại khác; tường, trần nhà và sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, không có các khe rãnh, góc cạnh, gờ dễ bám bụi, chất bẩn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng; bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện được làm bằng inox dễ cọ rửa; có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng;

dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng inox dễ làm vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại; có tủ lạnh bảo quản thực phẩm; có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng; có thùng rác có nắp đậy thuận tiện cho việc làm vệ sinh; khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Tuy nhiên, bếp ăn chưa được trang bị thiết bị hiện đại như máy cắt thịt [H3-3.4-01].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn được xây dựng kiên cố và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Có kho để thực phẩm trong ngày riêng biệt, thức ăn lưu của các bữa ăn được sắp xếp trong tủ lạnh và ký hiệu riêng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Điểm yếu

Bếp ăn chưa trang bị thiết bị hiện đại như máy cắt thịt trong chế biến món ăn cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng duy trì quy trình vận hành của bếp một chiều, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng có kế hoạch dự trù kinh phí để trang bị máy cắt thịt trong năm 2024.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

- a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*
- b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*
- c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;*

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định gồm: Đồ dùng, thiết bị dạy học, đồ chơi và học liệu dùng cho 09 nhóm, lớp từ nhóm trẻ từ 19-24 tháng tuổi đến lớp mẫu giáo 5-6 tuổi [H3-3.5-01].

b) Đầu mỗi năm học, cán bộ quản lý phát động giáo viên sử dụng các nguyên vật liệu đã qua sử dụng để làm đồ dùng dạy học, các loại đồ chơi học tập, vận động và đồ chơi phản ánh sinh hoạt cho trẻ; tuy nhiên đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm chưa bền, dễ hư hỏng [H3-3.1-03]. Ngoài ra, cán bộ quản lý còn lên kế hoạch mua sắm, bổ sung thêm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ em như: bowling, đu quay, cầu trượt, cầu cá... [H3-3.1-03].

c) Việc kiểm tra tài sản được thực hiện mỗi năm 02 lần vào cuối học kỳ I và cuối năm học [H1-1.4-07], từ đó có kế hoạch sửa chữa, cải tạo, bổ sung thay thế kịp thời vào mỗi đầu học kỳ II và đầu năm học [H1-1.6-03].

Mức 2:

a) Toàn trường có 15 máy tính, gồm 14 máy tính bàn và 01 laptop, trong đó: 06 máy tính phục vụ cho công tác quản lý và 09 máy tính phục vụ cho hoạt động dạy học [H1-1.4-07]; hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet và hệ thống mạng nội bộ phục vụ công tác quản lý và hoạt động dạy học [H3-3.5-02].

b) Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non như: bóng, gậy, vòng, lồng hộp, xâu dây, thả vòng, xe đẩy, búp bê, đồ chơi

nấu ăn, dụng cụ bác sĩ, đồ chơi nấu ăn gia đình, dụng cụ chăm sóc cây, gạch xây dựng, bộ lắp ghép, sa bàn giao thông, lô tô chữ số và số lượng... [H3-3.5-01].

c) Vào tháng 8 hằng năm, cán bộ quản lý vận động giáo viên sử dụng các loại vật liệu tái chế để tự làm đồ chơi, đồ dùng dạy học phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ như đồ chơi học tập, đồ chơi vận động, đồ chơi dân gian [H3-3.1-03].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và đồ chơi ngoài danh mục được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, cụ thể qua việc giáo viên hướng dẫn cho trẻ chơi ở mọi lúc mọi nơi trong giờ học, giờ chơi, giờ sinh hoạt của trẻ; giáo viên giáo dục trẻ biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi, tổ chức cho trẻ lau rửa đồ chơi hàng tuần, sắp xếp gọn gàng đồ chơi lên kệ sau khi chơi xong [H1-1.1-03]. Tuy nhiên, đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm chưa bền, dễ hư hỏng.

2. Điểm mạnh

Thiết bị đồ dùng, đồ chơi trong danh mục và ngoài danh mục được trang bị đầy đủ, đa dạng được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm chưa bền, dễ hư hỏng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục có kế hoạch đầu tư, mua sắm bổ sung, thay thế các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp trong từng năm học và chỉ đạo bộ phận chuyên môn lên kế hoạch và có biện pháp hướng dẫn giáo viên làm đồ chơi tự tạo phong phú, đa dạng bằng các loại nguyên vật liệu mở để phục vụ tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ tại trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng khép kín với phòng sinh hoạt thuận tiện cho sử dụng và quan sát; mỗi phòng vệ sinh trong lớp học có 04 bồn cầu, 02 bệ tiểu treo; 04 chậu rửa tay; các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với chiều cao của trẻ ở từng độ tuổi; ngoài ra còn có khu vệ sinh cho trẻ tại khu vực phòng chức năng được bố trí tại lầu hai thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.6-01]. Khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được xây dựng phía ngoài lớp học, ở mỗi tầng đều có khu nhà vệ sinh riêng cho nam và nữ, đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan của nhà trường và quy định tại Điều lệ trường mầm non.

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-02]; hệ thống nước sạch cho giáo viên, nhân viên và trẻ được cung cấp đầy đủ, đảm bảo an toàn, sạch sẽ; nước uống được cung cấp bởi Công ty nước tinh khiết Ionlife và nước sinh hoạt được cung cấp bởi Công ty cấp nước Gia Định [H3-3.4-04].

c) Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường như: bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ để chứa đựng và phân loại rác; các dụng cụ này thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Đơn vị vệ

sinh môi trường dịch vụ công ích quận Bình Thạnh thu gom rác của trường hằng ngày đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-05].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ có diện tích 12 m² bình quân 0,4 m²/trẻ. Mỗi phòng vệ sinh trong lớp học có 04 bồn cầu, 02 bệ tiểu treo, có chỗ riêng cho trẻ trai, trẻ gái; khu vực rửa tay của trẻ được bố trí trong phòng vệ sinh với 04-05 chậu rửa/lớp, trung bình 08 trẻ/chậu rửa; trong phòng vệ sinh có các thiết bị như: vòi nước, tủ đựng đồ dùng vệ sinh, vòi tắm, riêng các nhóm trẻ nhà có ghế ngồi bô và bồn xả đồ dơ của trẻ. Khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được xây dựng phía ngoài lớp học, có phòng riêng cho nam và nữ, đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan của nhà trường và quy định tại Điều lệ trường mầm non; tuy nhiên, việc sắp xếp đồ dùng trong phòng vệ sinh giáo viên đôi khi chưa gọn gàng [H3-3.6-01].

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế: Nhà trường sử dụng nguồn nước của Công ty cấp nước Gia Định đủ điều kiện cung cấp nước ăn uống và nước sinh hoạt [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ trang thiết bị trong phòng vệ sinh của từng nhóm, lớp phù hợp lứa tuổi đạt diện tích quy định, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; có hệ thống nước sạch an toàn, hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh, thu gom và xử lý rác thải đúng theo quy định của Bộ Y tế.

3. Điểm yếu

Đôi khi, giáo viên sắp xếp đồ dùng trong phòng vệ sinh của trẻ chưa gọn gàng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo cán bộ quản lý có kế hoạch kiểm tra giáo viên định kỳ hàng tuần việc sắp xếp đồ dùng dụng cụ trong phòng vệ

sinh của trẻ đảm bảo gọn gàng, an toàn, hợp lý. Duy trì việc xét nghiệm nước, khai thông cống rãnh theo định kỳ 06 tháng/lần.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường được xây dựng kiên cố; khuôn viên được bao quanh bằng tường rào chắc chắn; số phòng tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi. Bếp ăn được tổ chức theo dây chuyền một chiều, thức ăn được lưu hằng ngày. Các lớp có đầy đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định. Có nguồn nước sạch và hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Xử lý rác thải hằng ngày, không gây ô nhiễm môi trường.

Điểm yếu cơ bản:

Vườn rau của trẻ diện tích còn nhỏ, ít các loại rau cho trẻ khám phá.

Bếp ăn chưa trang bị thiết bị hiện đại như máy cắt thịt trong chế biến món ăn cho trẻ.

Phòng nhân viên bảo vệ chưa đảm bảo diện tích theo qui định.

Nhà trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen ngoại ngữ và tin học.

Việc sắp xếp đồ dùng trong phòng vệ sinh giáo viên đôi khi chưa gọn gàng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Nhà trường, gia đình và xã hội là ba nhân tố quan trọng trong việc giáo dục trẻ. Nhà trường là nơi truyền đạt kiến thức cho trẻ. Gia đình là nơi trẻ luôn được yêu thương. Xã hội là môi trường thực tế, giúp trẻ hoàn thiện một số kỹ năng trong cuộc sống. Đây là mối liên kết không thể thiếu giúp trẻ phát triển toàn diện. Xác định được tầm quan trọng của các mối quan hệ này, Trường Mầm non 25B không ngừng chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ và các ban ngành đoàn

thể để tạo cho trẻ một môi trường giáo dục tốt nhất, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ tại trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ trẻ được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 11 năm 2011 của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Đại hội cha mẹ trẻ tổ chức vào mỗi đầu năm học, sơ kết học kỳ và tổng kết năm học [H4-4.1-01].

b) Trong mỗi năm học, Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp với nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động của cha mẹ trẻ nhằm mục đích cùng nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng trẻ mầm non; qua đó tăng cường mối quan hệ giữa cha mẹ trẻ với giáo viên và nhà trường; tham gia góp ý, xây dựng nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; đề xuất các biện pháp, giải pháp xây dựng đầu tư các trang thiết bị, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và đảm bảo an toàn cho trẻ trong quá trình học tập vui chơi [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ: Tổ chức họp Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường và họp toàn thể cha mẹ học sinh 03 lần/năm học vào đầu năm học, học kỳ I và cuối năm học để thống nhất kế hoạch, nội dung phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ trẻ để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng trẻ [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong hỗ trợ giáo viên xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục như: Bé vui đến trường, Vui trung thu, Nhà giáo Việt Nam 20/11, Bé vui đón Noel, Hội chợ Xuân và tổng kết phát thưởng năm học cho trẻ; cùng nhà trường đưa trẻ đi tham quan, dã ngoại tại Thảo Cầm Viên, Viettophilia, Nông trại Rồng [H4-4.1-01]; tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đến cha mẹ trẻ tại các buổi họp lớp [H4-4.1-02]; dựa trên các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nhà trường thực hiện kế hoạch vận động tài trợ theo thông tư số 16/2018/TT-BGD&ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018, vận động cha mẹ trẻ đóng góp kinh phí thực hiện các công trình như: xây dựng khu vui chơi vận động, sân chơi vận động tập Gym, sân chơi thiên nhiên, trang bị máy Ipad, kệ đựng giỏ dép... [H1-1.6-07].

Mức 3:

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, vận động tài trợ giáo dục để hỗ trợ các công trình trong nhà trường [H1-1.6-07]; [H4-4.1-01]. Tuy nhiên, Ban đại diện cha mẹ trẻ chưa có nhiều thời gian tham gia vào các hoạt động phong trào cùng nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường, lớp và hoạt động theo đúng theo Điều lệ của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ trẻ có xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học và phối hợp tốt với nhà

trường, với giáo viên thực hiện tốt các mục tiêu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Ban đại diện cha mẹ trẻ chưa có nhiều thời gian tham gia vào các hoạt động phong trào cùng nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo hiệu trưởng tiếp tục phát huy hiệu quả các biện pháp tổ chức hoạt động tuyên truyền thu hút tối đa sự hợp tác, ủng hộ của cha mẹ trẻ góp phần cùng nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Vận động cha mẹ trẻ tham gia một số phong trào cùng với nhà trường thông qua buổi họp Ban đại diện cha mẹ trẻ đầu năm.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường và các lớp trong việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, cán bộ quản lý tham mưu với cấp ủy chi bộ để xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch sửa chữa cơ sở vật chất, tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh để được phê duyệt kế hoạch giáo dục từng năm học, đăng ký danh hiệu thi đua, hình thức thi đua đối với cá nhân, tập thể, tham mưu với Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh để được phê duyệt đề án vị trí việc làm, định biên, nhân sự, tài chính của nhà trường [H4-4.2-01]; [H1-1.1-03].

b) Nhà trường có các biện pháp và hình thức để tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường: thông qua các cuộc họp của cha mẹ trẻ tại lớp, bảng tuyên truyền của trường, lớp, sổ bé ngoan, sổ liên lạc hằng tháng, trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ trẻ ở giờ đón, trả trẻ [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

c) Trong 05 năm qua, cán bộ quản lý, giáo viên đã huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định để thực hiện các công trình cải tạo cơ sở vật chất trường, lớp; xây dựng khu vui chơi cho trẻ; trang bị đồ chơi ngoài trời, sân chơi thiên nhiên, các kệ góc chơi của lớp, trang bị máy Ipad và kệ đựng giỏ dép cho trẻ. Trường nhận được sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương trong công tác xây dựng nhà trường xanh, sạch, đẹp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ [H1-1.1-04]; [H1-1.10-01]; [H4-4.1-01].

Mức 2:

a) Căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế của trường, hằng năm, hiệu trưởng chủ động trực tiếp tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 25, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh để điều chỉnh phương hướng, chiến

lược xây dựng và phát triển nhà trường, thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học [H1-1.1-03]; kế hoạch xây dựng đơn vị có đời sống văn hóa tốt [H4-4.2-02].

b) Trường có các hình thức phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường xanh-sạch-đẹp; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ. Cụ thể: phối hợp với cha mẹ trẻ tổ chức các hội thi, lễ hội cho trẻ như: Bé mầm non vui khỏe, Ai thông minh hơn, Thế giới cổ tích cho trẻ mầm non, Trạng nguyên 5 tuổi, Sắc màu vui nhộn, Té nước, Thử tài cô và bé, Ngôi sao nhí, Bé vui trung thu, Ngày hội chúc mừng cô giáo, Hội chợ xuân [H4-4.2-03]. “Phòng chống dịch bệnh COVID-19, Tay chân miệng và Sốt xuất huyết” và tuyên truyền kiến thức chăm sóc nuôi dưỡng trẻ [H4-4.2-04]; tham gia biểu diễn văn nghệ trong các ngày lễ hội, hội thi của Phường 25, Khu phố 6; phối hợp Đoàn thanh niên thực hiện ngày Chủ nhật xanh [H1-1.3-02].

Mức 3:

Trường phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị tại địa phương để xây dựng nhà trường luôn xanh - sạch - đẹp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh an toàn cho trẻ; thực hiện ký kết liên tịch thực hiện việc đảm bảo an ninh trật tự với công an Phường 25 [H1-1.10-01], phối hợp ký kết an toàn giữa nhà trường với trạm y tế như tiêm ngừa, phòng chống dịch bệnh (sởi, rubella), uống vitamin A, uống vắc xin [H1-1.10-05]. Trong 05 năm qua, Trường Mầm non 25B luôn được công nhận là đơn vị có đời sống văn hóa tốt, góp phần vào quá trình xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Tuy nhiên, nhà trường chưa thực hiện công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tích cực và có nhiều biện pháp tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cũng như huy động và sử dụng tốt các nguồn lực để thực hiện mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa thực hiện công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục phát huy sự chủ động, tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể, cá nhân, tổ chức doanh nghiệp ở địa phương để tăng cường huy động các nguồn lực tham gia xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường ngày một khang trang, hiện đại hơn, hỗ trợ nhà trường nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Trong năm 2024, hiệu trưởng phấn đấu xây dựng trường trở thành nơi trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương trên địa bàn khu phố 6.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ và hoạt động đúng theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ. Trường làm tốt công tác tham mưu, phối kết hợp có hiệu quả với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể của xã trong việc chăm sóc giáo dục trẻ.

Điểm yếu cơ bản:

Ban đại diện cha mẹ trẻ chưa có nhiều thời gian tham gia vào các hoạt động phong trào cùng nhà trường.

Nhà trường chưa thực hiện công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Mở đầu

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường mầm non là nền tảng cho các bậc học tiếp theo. Chính vì vậy, việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non là nhiệm vụ hàng đầu và là yếu tố đầu tiên để hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;*
- b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch thời gian năm học do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành và kế hoạch giáo dục của Phòng Giáo dục và

Đào tạo, cán bộ quản lý cụ thể hóa bằng các kế hoạch hoạt động chuyên môn theo năm, tháng, tuần [H1-1.8-01]. Kế hoạch được triển khai đến toàn thể các tổ chuyên môn và giáo viên trong phiên họp chuyên môn đầu năm để thực hiện và hàng tháng, học kỳ đánh giá kết quả đạt được trong thời gian qua đồng thời tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch trong thời gian tiếp theo [H1-1.4-03].

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thông qua việc hướng dẫn, bồi dưỡng giáo viên vận dụng đa dạng các phương pháp, hình thức dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ từng lứa tuổi và điều kiện của trường, lớp; giáo viên chú trọng nâng cao khả năng hoạt động theo nhóm và kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn nhằm phát huy tính tích cực, chủ động ở trẻ [H1-1.8-02].

c) Định kỳ hàng tháng, học kỳ và cuối năm học, thông qua buổi họp chuyên môn, phó hiệu trưởng phối hợp với tổ trưởng chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, từ đó điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của trường, lớp [H1-1.1-04]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) 18/18 giáo viên tỷ lệ 100% giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đúng theo quy định, chỉ đạo của ngành, đảm bảo chất lượng giáo dục của đơn vị ngày càng nâng cao [H1-1.1-04]; [H1-1.8-02].

b) Cán bộ quản lý hướng dẫn, chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ ở từng lứa tuổi; giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức giờ học, sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy... giúp trẻ hứng thú, tích cực tham gia hoạt động [H1-1.1-03]; [H5-5.1-01].

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của Nhật Bản đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường và địa phương thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục tại lớp; thông qua việc tổ chức chuyên đề “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ mầm non”, “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, “Đổi mới tổ chức giờ ăn cho trẻ, Tổ chức giờ ăn cho trẻ” và “Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non”...[H1-1.1-04]; [H1-1.4-08]. Tuy nhiên, còn hạn chế về việc sửa chữa và cải tạo về cơ sở vật chất.

b) Hàng năm, cán bộ quản lý tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó hướng dẫn giáo viên điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non trong nhà trường đảm bảo chất lượng; trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của Nhật Bản cán bộ quản lý trường đã áp dụng phương pháp giáo dục, phát triển Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương và đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Nhà trường thực hiện việc phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương tuy nhiên còn hạn chế về việc sửa chữa và cải tạo về cơ sở vật chất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo Cán bộ quản lý dành thời gian tham khảo thêm chương trình giáo dục các nước trong khu vực và khuyến khích giáo viên tham khảo học tập những cách làm hay vận dụng vào công tác quản lý, giảng dạy, chăm sóc đạt hiệu quả cao.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

- a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;
- b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;
- c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào kế hoạch chăm sóc giáo dục của nhà trường và của tổ chuyên môn, giáo viên linh hoạt chọn lựa phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ tại lớp như: phương pháp giáo dục bằng tình cảm, phương pháp dùng lời nói, phương pháp trực quan, phương pháp thực hành, phương pháp trò chơi, phương pháp đánh giá nêu gương; trong đó chú trọng phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong mọi hoạt động của trẻ trong nhà trường [H5-5.1-01]; [H1-1.8-02].

b) Trường xây dựng môi trường giáo dục tại đơn vị theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm với các nội dung: đổi mới nội dung lập kế hoạch giáo dục trẻ; xây dựng môi trường giáo dục, đổi mới trong thiết kế các hoạt động chơi, hoạt động học cho trẻ; đổi mới trong hoạt động tuyên truyền. Trường tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ;

đánh giá đúng, tôn trọng và phát huy được khả năng, thế mạnh của mỗi trẻ; tạo điều kiện giúp mỗi đứa trẻ đều có cơ hội tốt nhất để phát triển. Giáo viên tổ chức các hoạt động và xây dựng môi trường dựa trên nhu cầu hứng thú của trẻ, kích thích trẻ tham gia vào các hoạt động cùng cô và bạn [H1-1.4-08]; [H5-5.2-01].

c) Các hoạt động giáo dục được giáo viên tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với từng độ tuổi và điều kiện thực tế của trường, lớp như: hoạt động theo chủ đề, hoạt động vui chơi trong lớp, hoạt động ngoài trời, lao động chăm sóc vườn cây, hoạt động khám phá thử nghiệm, triển lãm tranh đẹp của bé [H5-5.2-01], hoạt động tham quan, dã ngoại [H5-5.2-02], liên hoan, văn nghệ, hoạt động lễ hội và tham gia các hội thi [H5-5.2-03].

Mức 2:

Giáo viên biết tận dụng môi trường thiên nhiên và các mối quan hệ, giao tiếp giữa trẻ với trẻ, giữa trẻ với giáo viên và giữa giáo viên với cha mẹ trẻ để tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm, giúp trẻ khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp [H1-1.8-02].

Mức 3:

Nhà trường luôn khuyến khích giáo viên thường xuyên đổi mới môi trường hoạt động trong và ngoài lớp học như: sắp xếp, tạo môi trường học tập của trẻ hợp lý, thân thiện đối với trẻ, các khu vực chơi được sắp xếp phù hợp, đa dạng đồ dùng đồ chơi, nguyên vật liệu đảm bảo an toàn tạo hứng thú cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm, tạo cho trẻ cơ hội trao đổi, chia sẻ ý kiến, giúp đỡ lẫn nhau nhằm giúp trẻ phát triển và đạt được mục tiêu giáo dục theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Ở các lớp mỗi góc chơi được thiết kế theo hướng mở, các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu dễ thấy, dễ lấy và sử dụng [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01]. Tuy nhiên, 3/18 giáo viên tỷ lệ 16,6% chưa tận dụng hết cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo mục tiêu, nội dung của giáo dục, phù hợp với trẻ và điều kiện của nhà trường. Xây dựng môi

trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo của trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế.

3. Điểm yếu

Tuy nhiên, 03/18 giáo viên tỷ lệ 16,6% chưa tận dụng hết cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 8 năm 2023, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục bồi dưỡng giáo viên lựa chọn và vận dụng linh hoạt các phương pháp giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm, chú trọng thay đổi môi trường giáo dục, tạo nhiều cơ hội cho trẻ khám phá, trải nghiệm, được tham gia hoạt động nhóm. Tiếp tục chỉ đạo giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp tổ chức các hoạt động và xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo hướng phát triển tính chủ động, sáng tạo của trẻ bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế của đơn vị. Tạo cơ hội cho trẻ vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “Chơi mà học, học bằng chơi”.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường phối hợp với Trung tâm y tế quận Bình Thạnh và Trạm y tế Phường 25 trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ: 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ, uống vacxin và thực hiện lịch tiêm chủng mở rộng theo quy định của Bộ Y tế [H5-5.3-01].

b) Trẻ được chăm sóc; theo dõi cân nặng, chiều cao phát triển đúng yêu cầu lứa tuổi, 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp và tích cực nhằm giúp trẻ khỏe mạnh, cơ thể hài hòa cân đối; các biện pháp đã tổ chức thực hiện như: đối với trẻ suy dinh dưỡng xây dựng thực đơn giàu dinh dưỡng, tăng cường phô mai, uống sữa; tổ chức các hoạt động cho trẻ tắm nắng hằng ngày. Đối với trẻ thừa cân, béo phì tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi vận động, lao động phụ giúp cô và cha mẹ; thực hiện một số bài tập vận động kết quả triển khai các biện pháp can thiệp nhằm cải thiện sức khỏe cho trẻ đến cuối năm học [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05]. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ suy dinh dưỡng, béo phì có cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-03], cụ thể như sau:

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023

- Số trẻ suy dinh dưỡng đầu năm	12	7	3	4	9
- Số trẻ suy dinh dưỡng cuối năm	01	00	00	00	00
Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi	11/12 tỷ lệ 91,67%	07/07 tỷ lệ 100%	03/03 tỷ lệ 100%	04/04 tỷ lệ 100%	9/9 tỷ lệ 100%
- Số trẻ thừa cân, béo phì đầu năm	32	57	52	33	40
- Số trẻ thừa cân, béo phì cuối năm	03	04	5	5	4
Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì được phục hồi	29/32 tỷ lệ 90,6%	53/57 tỷ lệ 92,9%	47/52 tỷ lệ 90,38%	28/33 tỷ lệ 84,84%	36/40 tỷ lệ 90%

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên tư vấn cho cha mẹ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ bằng các hình thức như trao đổi trực tiếp, tuyên truyền trên bản tin truyền thông của trường, lớp [H4-4.1-02], phối hợp với bác sĩ tại Trung tâm dinh dưỡng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức nói chuyện chuyên đề về chủ đề “Biện pháp chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì”, “Vi chất dinh dưỡng đối với trẻ em”, “Biện pháp phòng bệnh cho trẻ em”... [H5-5.3-06].

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường đảm bảo cân đối giữa các chất đạm, béo, đường, bột, vitamin và khoáng chất; đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của trẻ trong nhà trường. Khẩu phần dinh dưỡng của trẻ trong 05 năm qua đạt được theo quy định [H1-1.6-04], cụ thể như sau:

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023

Nhà trẻ	64,5%	64,2%	63,5%	64,6%	64,5%
Mẫu giáo	53,6%	53,4%	52,7%	53,1%	53,5%

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp: đối với trẻ suy dinh dưỡng, bổ sung sữa, phô mai, bánh flan, tăng cường chất bột, béo vào khẩu phần ăn của trẻ; đối với trẻ béo phì có chế độ dinh dưỡng riêng như giảm chất bột, tăng cường cho trẻ ăn thêm rau luộc vào các bữa ăn, tổ chức cho trẻ chơi các bài tập, trò chơi vận động sau giờ thể dục sáng; tăng cường các hoạt động vận động cho trẻ trong ngày [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05]; phối hợp với cha mẹ trẻ để tuyên truyền về chế độ dinh dưỡng cho trẻ thông qua bản tin lớp, trao đổi trực tiếp với cha mẹ trẻ để xây dựng chế độ dinh dưỡng phù hợp cho trẻ khi ở nhà [H4-4.1-02]. Tuy nhiên, việc tổ chức các hoạt động cho trẻ thừa cân, béo phì sau giờ thể dục sáng chưa thực hiện thường xuyên ở lớp Mầm do cha mẹ trẻ chưa hợp tác tốt cùng giáo viên.

Mức 3:

Tỉ lệ trẻ em khỏe mạnh có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường trong 05 năm qua đạt trên 98% [H5-5.3-02], với số liệu như sau:

Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
351/355	317/321	289/294	251/256	270/274
tỷ lệ	tỷ lệ	tỷ lệ	tỷ lệ	tỷ lệ
98,87%	98,75%	98,29%	98,05%	98,54%

2. Điểm mạnh

Trẻ được nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe tốt. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng; khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định và có biện pháp trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng,

thừa cân béo phì. Trên 98% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức các hoạt động cho trẻ thừa cân, béo phì sau giờ thể dục sáng chưa thực hiện thường xuyên ở lớp Mầm do cha mẹ trẻ chưa hợp tác tốt cùng giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, Hiệu trưởng phân công 02 Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phòng chống trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân-béo phì đa dạng các hình thức đối với trẻ, cha mẹ trẻ; lồng ghép các hoạt động tăng cường vận động đối với trẻ thừa cân-béo phì. Đồng thời phân công tổ trưởng chuyên môn tăng cường kiểm tra, nhắc nhở giáo viên và khuyến khích động viên cha mẹ trẻ cho trẻ đi học đúng giờ để tham gia các trò chơi tăng cường các hoạt động cho trẻ thừa cân, béo phì tại nhóm, lớp sau giờ thể dục sáng thường xuyên hơn. Ngoài ra, vận động cha mẹ trẻ sắp xếp thời gian tạo điều kiện cho trẻ được đi bơi, đạp xe đạp, bóng rổ và tập luyện võ thuật (để giảm bớt thời gian trẻ ngồi chơi xem tivi, chơi máy vi tính) nhằm giảm tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các lứa tuổi hằng năm như sau:

	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Trẻ nhà trẻ	86%	86%	85%	85%	90%
Trẻ 3-4 tuổi	92%	91%	87%	91%	91%
Trẻ 4-5 tuổi	94 %	90%	89%	92%	93%
Trẻ 5-6 tuổi	97 %	97%	92%	94%	95%

Trẻ đến lớp đều với tỷ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ đạt trung bình trên 86%, trẻ mẫu giáo 3-4 tuổi và 4-5 tuổi đạt trung bình 91%, riêng trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi đạt 95% [H5-5.4-01].

b) Năm học 2018-2019 đến nay, trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non luôn đạt tỷ lệ 100% [H4-4.2-01].

c) Từ năm học 2018-2019 đến nay, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập và trẻ có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 2:

a) Giáo viên phối hợp tốt với cha mẹ trẻ và quản lý trẻ vắng hằng ngày thông qua việc: khi trẻ nghỉ học giáo viên liên hệ với cha mẹ trẻ để nắm bắt được tình hình trẻ nghỉ học để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ [H5-5.4-01]. Trẻ đi học chuyên cần đạt tỷ lệ, cụ thể: trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi đạt tỷ lệ 95 %, trẻ mẫu giáo dưới 5 tuổi đạt tỷ lệ 90 %. Tuy nhiên, tỷ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ thấp trẻ đi học chưa đều [H5-5.4-02].

b) 73/73 trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% [H4-4.2-01].

c) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04].

Mức 3:

a) Trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non ở các năm học đạt 100% [H5-5.4-02].

b) Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Trẻ 5 tuổi luôn đạt tỷ lệ chuyên cần 95% và hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non tỷ lệ 100%.

3. Điểm yếu

Trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ đi học chưa đều hay bệnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tháng 10 năm 2023, hiệu trưởng chỉ đạo 02 Phó hiệu trưởng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chăm sóc sức khỏe trẻ và tổ chức các hoạt động hội thi, trò chơi để giúp trẻ vui thích đến trường. Bên cạnh đó, chỉ đạo giáo viên, nhân viên thường xuyên tuyên truyền, trao đổi đồng viên cha mẹ trẻ kiên trì cùng phối hợp với nhà trường trong công tác chăm sóc sức khỏe trẻ, đồng viên cha mẹ trẻ đưa trẻ nhà trẻ đi học đều, nâng cao tỉ lệ chuyên cần của trẻ nhà trẻ lên 90%.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường tổ chức triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo đúng quy định. Thực hiện mục tiêu nội dung giáo dục phù hợp với trẻ và điều kiện của trường. Tổ chức tốt các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường thực hiện việc phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương tuy nhiên còn hạn chế về việc sửa chữa và cải tạo về cơ sở vật chất.

03/18 tỷ lệ 16,6% chưa tận dụng hết cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm, thường cung cấp kiến thức trước, làm giảm hứng thú tham gia hoạt động của trẻ.

Việc tổ chức các hoạt động cho trẻ thừa cân, béo phì sau giờ thể dục sáng chưa thực hiện thường xuyên ở lớp Mầm do cha mẹ trẻ chưa hợp tác tốt cùng giáo viên.

Trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ đi học chưa đều hay bệnh.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Đối chiếu với kết quả chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường, so sánh với Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Công văn số 5942/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non; qua việc tự

đánh giá Trường Mầm non 25B, quận Bình Thạnh nhận thấy đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 25/25 tỷ lệ: 100%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25 tỷ lệ: 00%;
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 25/25 tỷ lệ: 100%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 00/25 tỷ lệ: 00%;
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 11/19 tỷ lệ: 57,8 %;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 8/19 tỷ lệ: 42,2 %;
- Mức đánh giá của Trường Mầm non 25B: Mức 2.
- Trường Mầm non 25B, quận Bình Thạnh đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường Mầm non 25B, quận Bình Thạnh. Nhà trường không ngừng cải tiến công tác quản lý và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đáp ứng được niềm tin yêu của cha mẹ trẻ. Các hoạt động giáo dục được thực hiện đều hướng đến mục đích góp phần xây dựng xã hội ngày văn minh hiện đại, đáp ứng nhu cầu thực tiễn đặt ra trong thời kỳ đổi mới và hội nhập.

Bình Thạnh , ngày 15 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Kiều Thị Mai Trang

PHẦN IV. PHỤ LỤC
Bảng danh mục mã minh chứng

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Hồ sơ phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển: -Kế hoạch phương hướng chiến lược giai đoạn 2016-2020; -Biên bản rà soát phương hướng chiến lược; -Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2019–2025.	Số 51/KH-MN25B, ngày 18 tháng 9 năm 2016. Số 119/KH-MN25B, ngày 12 tháng 10 năm 2020.	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Hình ảnh công khai kế hoạch phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.	Năm học 2020-2021	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch năm học, tháng	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Báo cáo tổng kết năm học	Từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 -2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

	5	[H1-1.1-05]	Báo cáo đánh giá hoạt động của các hội đồng trong nhà trường	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường	Số 17346/QĐ-UBND, ngày 4/11/2022, Nhiệm kỳ 2020-2025	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ hội đồng thi đua khen thưởng	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ chấm sáng kiến	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ thi giáo viên giỏi cấp trường	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Chủ tịch công đoàn	Công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Bí thư Chi đoàn	Chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ chi hội khuyến học	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ hội chữ thập đỏ	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng nuôi dưỡng

	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ chi bộ	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Bí thư	Phòng hiệu trưởng
	6	[H1-1.3-06]	Bằng khen, giấy khen của trường, Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Chi hội Khuyến học, Chi hội Chữ Thập đỏ.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Các cấp	Văn phòng
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ Cán bộ quản lý	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định phân công nhân sự đầu năm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ tổ chuyên môn	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Tổ trưởng chuyên môn	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ đánh giá xếp loại công chức, viên chức	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	6	[H1-1.4-06]	Hồ sơ quản lý tài chính	Năm 2018 đến năm 2022	Kế toán	Phòng tài vụ
	7	[H1-1.4-07]	Hồ sơ quản lý cơ sở vật chất	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Kế toán	Phòng tài vụ
	8	[H1-1.4-08]	Kế hoạch thực hiện chuyên	Từ năm học 2018-2019 đến	Phó hiệu trưởng	Phòng phó

			đề	2022-2023		hiệu trưởng
	9	[H1-1.4-09]	Kế hoạch hoạt động lễ hội và hội thi.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách trẻ	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.5-02]	Hồ sơ quản lý trẻ (trong đó có hồ sơ cá nhân trẻ và hồ sơ theo dõi sự phát triển của trẻ)	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Giáo viên	Lớp học
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ tổ chức, quản lý nhân sự.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.6-02]	Sổ lưu trữ công văn đi, đến	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Văn thư	Phòng hành chính
	3	[H1-1.6-03]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2018 đến năm 2022	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ Nghị Quyết 03	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Kế toán	Phòng hành chính
	5	[H1-1.6-05]	Danh mục các phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Kế toán	Phòng hành chính
	6	[H1-1.6-06]	Biên bản kiểm tra tài chính	Năm 2018 đến năm 2022	Kế toán	Phòng hành chính

	6	[H1-1.6-07]	Hồ sơ tài trợ giáo dục	Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2022-2023	Kế toán	Phòng hành chính
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên	Số 95/KH-MN25B, ngày 17 tháng 10 năm 2018, giai đoạn 2017-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch thực hiện bồi dưỡng thường xuyên	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.7-03]	Hồ sơ dự giờ giáo viên	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
	5	[H1-1.7-04]	Hồ sơ lương và các chế độ phụ cấp của giáo viên	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Kế toán	Phòng hành chính
	6	[H1-1.7-05]	Hồ sơ hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	7	[H1-1.7-06]	Hồ sơ quy hoạch cán bộ quản lý.	Giai đoạn 2015-2020 Giai đoạn 2023-2031	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch chăm sóc giáo dục năm, tháng và báo cáo công tác giáo dục.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
	2	[H1-1.8-02]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Giáo viên	Các lớp
	3	[H1-1.8-03]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.8-04]	Biên bản kiểm tra của cấp	Từ năm học 2018-2019 đến	Hiệu trưởng	Phòng hiệu

			trên	năm học 2022-2023		trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ quy chế dân chủ	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ Ban thanh tra nhân dân	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Trưởng Ban thanh tra nhân dân	Văn phòng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Hồ sơ an ninh trật tự	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm, giấy chứng nhận an toàn thực phẩm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H1-1.10-03]	Phương án phòng chống tai nạn thương tích + Kế hoạch thảm họa thiên tai	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	4	[H1-1.10-04]	Phương án phòng chống cháy nổ, biên bản, hình ảnh tập huấn	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	5	[H1-1.10-05]	Hồ sơ phòng chống dịch bệnh.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Nhân viên y tế	Phòng y tế
	6	[H1-1.10-06]	Hồ sơ phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em.	Giai đoạn 2017-2020	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	7	[H1-1.10-07]	Hộp thư góp ý và số điện thoại đường dây nóng của trường.	Năm học 2022-2023	Văn thư	Sân trường

	8	[H1-1.10-08]	Sổ trực Bảo vệ	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Bảo vệ	Phòng bảo vệ
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Giấy chứng nhận các lớp bồi dưỡng của HT + P.HT	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hồ sơ cá nhân giáo viên	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Hồ sơ cá nhân của nhân viên	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H2-2.3-02]	Đề án vị trí việc làm	Năm 2019	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Hồ sơ thiết kế xây dựng trường	Từ năm học 2013-2014 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Số vào sổ cấp GCN:CT 27997, ngày 09 tháng 12 năm 2013	Giám đốc Sở tài nguyên và môi trường.	Phòng hiệu trưởng
	3	[H3-3.1-03]	Danh mục thiết bị đồ chơi ngoài trời.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng
	4	[H3-3.1-04]	Hình ảnh đồ chơi giáo viên tự làm	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng

Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh phòng sinh hoạt chung	Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh các phòng chức năng	Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
	3	[H3-3.2-03]	Danh mục thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh phòng hành chính, các phòng làm việc, khu để xe.	Năm học 2022- 2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh nhà bếp, kho thực phẩm, kho nước uống.	Năm học 2022- 2023	Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng nuôi dưỡng
	2	[H3-3.4-02]	Sổ lưu mẫu thức ăn.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Nhân viên y tế	Phòng y tế
	3	[H3-3.4-03]	Danh mục thiết bị, đồ dùng bán trú tại nhà bếp.	Năm học 2022 - 2023	Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng nuôi dưỡng
	4	[H3-3.4-04]	Hộp đồng nước uống Ionlife + Phiếu xét nghiệm nước uống.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

	5	[H3-3.4-05]	Hợp đồng thu gom xử lý chất thải, rác sinh hoạt và hóa đơn chứng từ thanh toán.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng nuôi dưỡng
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Sổ theo dõi tài sản của nhóm, lớp (trong đó có biên bản kiểm tra tài sản)	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng nuôi dưỡng
	2	[H3-3.5-02]	Hợp đồng kết nối mạng Internet	Năm 2016 đến năm 2022	Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng nuôi dưỡng
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hình ảnh nhà vệ sinh của trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng nuôi dưỡng
	2	[H3-3.6-02]	Sổ kiểm tra nhà vệ sinh của các nhóm, lớp	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Phòng Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Biên bản họp nhóm/lớp với cha mẹ trẻ	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Giáo viên	Tại các nhóm, lớp
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ Tuyển sinh	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	2	[H4-4.2-02]	Hồ sơ trường học có đời sống văn hóa.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng

	3	[H4-4.2-03]	Hình ảnh các hội thi, lễ hội của nhà trường có ban đại diện cha mẹ trẻ tham gia	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng Phó hiệu trưởng giáo dục
	4	[H4-4.2-04]	Quy chế phối hợp cha mẹ học sinh	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Biên bản sinh hoạt chuyên môn của phó hiệu trưởng	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hình ảnh trẻ hoạt động trên môi trường trong và ngoài lớp, góc chơi	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
	2	[H5-5.2-02]	Hợp đồng, hình ảnh trẻ tham quan	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phòng hiệu trưởng
	3	[H5-5.2-03]	Hình ảnh trẻ tham gia các hội thi	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Giáo viên	Các nhóm, lớp
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Hồ sơ khám sức khỏe trẻ - danh sách trẻ uống vắc xin	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Nhân viên y tế	Phòng Y tế
	2	[H5-5.3-02]	Sổ Tổng hợp lưu cân	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Phòng Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng
	3	[H5-5.3-03]	Kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng nuôi dưỡng
	4	[H5-5.3-04]	Thực đơn.	Từ năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Phòng phó

				đến năm học 2022-2023	nuôi dưỡng	hiệu trưởng nuôi dưỡng
	5	[H5-5.3-05]	Lịch vận động cho trẻ dư cân, béo phì	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng nuôi dưỡng	Phòng phó hiệu trưởng nuôi dưỡng
	6	[H5-5.3-06]	Kế hoạch truyền thông y tế	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Nhân viên y tế	Phòng Y tế
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Bảng thống kê tỷ lệ chuyên cần của trẻ.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục
	2	[H5-5.4-02]	Hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng giáo dục	Phòng phó hiệu trưởng giáo dục